

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không
Taseco Nội Bài]

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 30 tháng 9 năm 2017

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 - 51

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco [trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài] ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107007230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 28 tháng 9 năm 2015 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 5 ngày 27 tháng 7 năm 2017.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 4 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 5 năm 2017, Công ty đã được phê duyệt đổi tên từ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài thành Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco.

Theo Công văn số 6411/UBCK-GSĐC do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 9 năm 2017, Công ty đã được chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty bao gồm:

- ▶ hoạt động viễn thông bán lẻ;
- ▶ vận tải hành khách đường bộ;
- ▶ đại lý du lịch, điều hành tour du lịch, lưu trú ngắn ngày;
- ▶ nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, bán lẻ tại các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; và
- ▶ các dịch vụ phụ trợ khác.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 1, Tòa nhà N02-T1, Khu Đoàn Ngoại giao, Phố Đỗ Nhuận, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Ngọc Thanh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Minh Hải	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Lê Anh Quốc	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Lars Kjaer	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2017
Ông Đào Tiến Dương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Vũ Minh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
		Miễn nhiệm ngày 7 tháng 11 năm 2017
Bà Trần Thị Loan	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Thị Loan	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2017
Ông Phạm Đức Long	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
		Miễn nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2017
Ông Phạm Quang Viên	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Bà Đặng Kim Ngân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Bà Trần Thị Liên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Bà Lê Thị Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Anh Quốc	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này là Ông Lê Anh Quốc, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco [trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài] ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn") cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 9 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Lê Anh Quốc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 11 năm 2017



**Building a better
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel : + 84 24 3831 5100
Fax: + 84 24 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 61311118/19608173-Audit 300917-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco [trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài] ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 30 tháng 11 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 51, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 9 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016 chưa được kiểm toán.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Phạm Công Khanh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3483-2015-004-1

Phùng Mạnh Phú
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2598-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 11 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 9 năm 2017


Đơn vị tính: VND


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		231.134.696.602	189.314.816.770
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	113.264.497.026	41.414.286.153
111	1. Tiền		59.264.497.026	41.414.286.153
112	2. Các khoản tương đương tiền		54.000.000.000	-
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		70.235.272.379	124.666.682.266
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	8.303.795.497	4.628.021.648
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	25.256.490.303	29.137.873.011
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	20.000.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	16.674.915.529	90.900.787.607
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		71.050	-
140	III. Hàng tồn kho	9	38.094.206.281	20.929.083.181
141	1. Hàng tồn kho		38.094.206.281	20.929.083.181
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		9.540.720.916	2.304.765.170
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	5.394.335.661	2.167.946.501
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		4.146.385.255	77.472.622
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	59.346.047
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		350.268.809.732	178.689.907.363
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		155.083.509.515	75.376.139.740
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	155.083.509.515	75.376.139.740
220	II. Tài sản cố định		131.302.672.606	97.194.642.180
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	122.805.794.621	88.785.197.675
222	Nguyên giá		148.244.310.341	103.437.151.557
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(25.438.515.720)	(14.651.953.882)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	8.496.877.985	8.409.444.505
228	Nguyên giá		8.806.816.588	8.606.816.588
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(309.938.603)	(197.372.083)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		643.744.600	751.601.271
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		643.744.600	751.601.271
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		55.219.287.655	-
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	13	55.219.287.655	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		8.019.595.356	5.367.524.172
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	7.982.195.356	5.365.024.172
268	2. Tài sản dài hạn khác		37.400.000	2.500.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		581.403.506.334	368.004.724.133

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 9 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		149.843.701.683	166.262.176.138
310	I. Nợ ngắn hạn		112.290.301.683	131.432.976.138
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	40.223.210.518	21.571.129.302
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.476.473.274	2.733.676.735
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	12.321.876.201	8.597.367.178
314	4. Phải trả người lao động		14.570.464.364	15.477.394.655
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	4.221.359.524	1.772.895.893
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	7.105.170.292	3.754.659.287
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	6.437.961.381	43.668.727.390
320	8. Vay ngắn hạn	19	24.097.744.665	32.988.186.753
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		835.102.519	-
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		938.945	868.938.945
330	II. Nợ dài hạn		37.553.400.000	34.829.200.000
337	1. Phải trả dài hạn khác		375.000.000	375.000.000
338	2. Vay dài hạn	19	37.178.400.000	34.454.200.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		431.559.804.651	201.742.547.995
410	I. Vốn chủ sở hữu		431.559.804.651	201.742.547.995
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành	20	360.000.000.000	160.480.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		360.000.000.000	160.480.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	20	67.991.258.274	41.438.712.534
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		26.684.369.274	98.944.279
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		41.306.889.000	41.339.768.255
429	3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	21	3.568.546.377	(176.164.539)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		581.403.506.334	368.004.724.133


Trần Văn Hưng
Người lập


Phạm Quang Viên
Phó Phòng kế toán



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 11 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017


Đơn vị tính: VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	479.998.881.803	201.059.459.271
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	479.998.881.803	201.059.459.271
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(222.178.219.535)	(91.374.668.094)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		257.820.662.268	109.684.791.177
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	18.157.493.436	2.421.341.744
22	7. Chi phí tài chính	24	(5.055.346.056)	(1.108.491.708)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(4.868.728.039)	(1.107.950.578)
24	8. Phần lỗ trong công ty liên kết	13	(4.780.712.345)	-
25	9. Chi phí bán hàng	25	(88.750.660.650)	(52.364.971.517)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(44.161.433.745)	(26.664.929.720)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		133.230.002.908	31.967.739.976
31	12. Thu nhập khác	26	1.796.741.651	342.796.905
32	13. Chi phí khác	26	(89.171.474)	(223.000.625)
40	14. Lợi nhuận khác	26	1.707.570.177	119.796.280
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		134.937.573.085	32.087.536.256
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28	(24.675.422.844)	(6.524.335.496)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	20.1	110.262.150.241	25.563.200.760
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	20.1	109.971.914.389	25.545.025.468
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	21	290.235.852	18.175.292
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	4.804	3.798
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	30	4.804	3.798


Trần Văn Hưng
Người lập


Phạm Quang Viên
Phó Phòng kế toán


Lê Anh Quốc
Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 11 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		134.937.573.085	32.087.536.256
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	12, 13	11.374.108.706	4.240.487.348
03	Các khoản dự phòng		835.102.519	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(13.987.563.136)	(2.280.364.544)
06	Chi phí lãi vay	24	4.868.728.039	1.107.950.578
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		138.027.949.213	35.155.609.638
09	Tăng các khoản phải thu		(11.668.242.723)	(11.724.302.970)
10	Tăng hàng tồn kho		(17.165.123.100)	(4.244.215.873)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(18.938.688.190)	1.378.537.580
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(5.763.510.083)	1.585.456.324
14	Tiền lãi vay đã trả		(4.753.185.928)	(926.211.647)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(20.573.852.802)	(2.640.661.127)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(868.000.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		58.297.346.387	18.584.211.925
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(45.055.272.696)	(4.769.344.814)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.227.272.726	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(95.000.000.000)	(20.211.492.986)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		78.641.713.251	-
25	Tiền (chi)/thu đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền thu về)		(60.221.214.728)	5.627.687.578
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		17.435.794.421	1.332.057.977
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(102.971.707.026)	(18.021.092.245)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		204.020.000.000	2.776.098.900
33	Tiền thu từ đi vay		130.007.421.680	58.874.086.486
34	Tiền trả nợ gốc vay		(137.243.290.168)	(52.404.371.093)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(80.259.560.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		116.524.571.512	9.245.814.293
50	Tăng tiền thuần trong kỳ		71.850.210.873	9.808.933.973
60	Tiền đầu kỳ		41.414.286.153	836.087.367
70	Tiền cuối kỳ	5	113.264.497.026	10.645.021.340

Trần Văn Hưng
Người lập

Phạm Quang Viên
Phó Phòng kế toán



Lê Anh Quốc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 11 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco [trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài] ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107007230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 28 tháng 9 năm 2015 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 5 ngày 27 tháng 7 năm 2017.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 4 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 5 năm 2017, Công ty đã được phê duyệt đổi tên từ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài thành Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco.

Theo Công văn số 6411/UBCK-GSDC do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 9 năm 2017, Công ty đã được chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty bao gồm:

- ▶ hoạt động viễn thông bán lẻ;
- ▶ vận tải hành khách đường bộ;
- ▶ đại lý du lịch, điều hành tour du lịch, lưu trú ngắn ngày;
- ▶ nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, bán lẻ tại các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; và
- ▶ các dịch vụ phụ trợ khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 1, Tòa nhà N02-T1, Khu Đoàn Ngoại giao, Phố Đỗ Nhuận, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 9 năm 2017 là: 1.084 (31 tháng 12 năm 2016: 668).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, Công ty có 4 công ty con, bao gồm:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Địa chỉ	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Đà Nẵng ("Taseco Đà Nẵng")	99,9%	99,9%	Số 99 Phan Đăng Lưu, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	Bán lẻ hàng hóa trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, cung cấp dịch vụ ăn uống tại các nhà hàng, dịch vụ vận tải hành khách và các dịch vụ liên quan.
2	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Sài Gòn ("Taseco Sài Gòn") (*)	65%	65%	Số 20/1/21 Huỳnh Lan Khanh, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ; dịch vụ bán hàng và các sản phẩm lưu niệm; dịch vụ đón tiễn; đại lý du lịch và điều hành tua du lịch; đại lý thu đổi ngoại tệ; dịch vụ quảng cáo.
3	Công ty TNHH Một thành viên Taseco Oceanview Đà Nẵng ("Taseco Oceanview Đà Nẵng")	100%	100%	Số 200 Võ Nguyên Giáp, Phường Phước Mỹ, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng	Quản lý khách sạn, nhà hàng, các dịch vụ ăn uống, vận tải hành khách đường bộ và các dịch vụ liên quan và các hoạt động khác.
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Truyền thông Taseco ¹ ("Taseco Media")	99,9%	99,9%	Tầng 1, Tòa nhà N02T1, Khu Đoàn Ngoại Giao, Phố Đỗ Nhuận, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	Dịch vụ quảng cáo, viễn thông, khách sạn, nhà hàng, các dịch vụ ăn uống.

¹ Tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Taseco Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

(*) Trong kỳ, Công ty đã nhận chuyển nhượng 100.000 cổ phần của Taseco Sài Gòn trị giá 1.000.000.000 đồng và nâng tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Taseco Sài Gòn lên 65% (31 tháng 12 năm 2016: 55%).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và các công ty con cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Đối với hàng tồn kho nguyên vật liệu, Tập đoàn áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ với giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Đối với hàng tồn kho khác, Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá v.v.) có thể xảy ra đối với thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 - 6 năm
Phần mềm	3 năm
Tài sản cố định vô hình khác	3 năm

(*) Một số nhà cửa, vật kiến trúc nhận góp vốn từ công ty mẹ được ghi nhận và trích khấu hao theo thời gian khấu hao còn lại từ 1 đến 5 năm.

Quyền sử dụng đất không thời hạn không khấu hao.

3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 1 đến 3 năm hoặc theo thời hạn thuê vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ:

- ▶ Công cụ và dụng cụ;
- ▶ Chi phí sửa chữa; và
- ▶ Các chi phí khác.

3.10 *Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)*

Trường hợp BCC chia lợi nhuận sau thuế

Nếu BCC quy định các bên trong BCC được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, đồng thời phải gánh chịu lỗ:

BCC chia lợi nhuận sau thuế do một bên kiểm soát:

Nếu Tập đoàn kiểm soát BCC, Tập đoàn sẽ hạch toán toàn bộ doanh thu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, đồng thời ghi nhận toàn bộ lợi nhuận sau thuế của BCC vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Nếu Tập đoàn không kiểm soát BCC, Tập đoàn ghi nhận phần lợi nhuận mà Tập đoàn được chia từ BCC trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã được thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được hạch toán như sau:

- ▶ Tài sản và nợ phải trả của các đơn vị được hợp nhất theo giá trị ghi sổ tại ngày hợp nhất kinh doanh;
- ▶ Không có lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh;
- ▶ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh các kết quả hoạt động kinh doanh của các đơn vị được hợp nhất từ thời điểm hợp nhất kinh doanh; và
- ▶ Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh đã trả và giá trị tài sản thuần của “công ty bị mua” được ghi nhận vào “Vốn khác của chủ sở hữu” trong vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cản trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ kế toán và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu do Tập đoàn hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo khu vực địa lý.

Các hoạt động kinh doanh được tổ chức và quản lý riêng biệt theo bản chất sản phẩm và dịch vụ cung cấp, và bao gồm hai bộ phận kinh doanh sau:

- ▶ Hoạt động bán hàng và cung cấp các dịch vụ trong nhà ga và cảng hàng không; và
- ▶ Kinh doanh dịch vụ khách sạn và các dịch vụ liên quan khác.

Tập đoàn trình bày thông tin theo bộ phận tại Thuyết minh số 31.

4. HỢP NHẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY DƯỚI SỰ KIỂM SOÁT CHUNG

Nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Truyền thông Taseco ("Taseco Media")

Theo Nghị quyết số 06B/2017/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 6 năm 2017 và hợp đồng chuyển nhượng ngày 29 tháng 8 năm 2017, Công ty đã nhận chuyển nhượng 99,9% cổ phần của Công ty Taseco Media từ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Thăng Long ("Công ty Taseco Thăng Long"), công ty mẹ của Công ty, với tổng giá chuyển nhượng là 444.427.614 VND. Theo đó, Công ty Taseco Media trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Công ty Taseco Media là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106879359, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 16 tháng 6 năm 2015 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 2 được cấp ngày 26 tháng 6 năm 2017.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính trong kỳ của Công ty Taseco Media là kinh doanh dịch vụ quảng cáo, viễn thông. Tập đoàn mua cổ phần của Công ty Taseco Media với mục đích phát triển mảng dịch vụ quảng cáo của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY DƯỚI SỰ KIỂM SOÁT CHUNG (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá đây là một giao dịch hợp nhất kinh doanh của hai công ty dưới sự kiểm soát chung và đã áp dụng phương pháp hợp nhất lợi ích để ghi nhận giao dịch này. Theo đó, cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả của Công ty Taseco Media tại ngày nhận chuyển nhượng như sau:

Đơn vị tính: VND

Giá trị ghi sổ ghi nhận tại ngày mua

Tài sản		
Tiền		90.525.178
Các khoản phải thu ngắn hạn		83.038.541
Tài sản ngắn hạn khác		1.123.727
Tài sản cố định hữu hình		353.909.765
Tài sản dài hạn khác		80.050.261
		608.647.472
Nợ phải trả		
Phải trả người bán		35.000.000
Phải trả khác		128.774.986
		163.774.986
Tổng tài sản thuần		444.872.486
Cổ đông không kiểm soát		(444.872)
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh		444.427.614
Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con		
Tiền thu về từ công ty con		90.525.178
Tiền chi để mua công ty con		(311.739.906)
Tổng tiền thuần đã chi cho nghiệp vụ mua		(221.214.728)

Kể từ ngày mua, Công ty Taseco Media đã phát sinh khoản lỗ với số tiền là 7.643.041 VND giảm trừ vào lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn.

Doanh thu và lỗ trước thuế của Công ty Taseco Media trong kỳ và trước ngày hợp nhất tương ứng là 88.000.000 VND và 124.517.181 VND.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Tiền mặt	6.955.932.851	5.420.804.831
Tiền gửi ngân hàng	51.768.113.224	35.924.364.072
Tiền đang chuyển	540.450.951	69.117.250
Các khoản tương đương tiền (*)	54.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	113.264.497.026	41.414.286.153

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngắn hạn bằng VND tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá 3 tháng với lãi suất từ 4,8% tới 6,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Phải thu từ khách hàng	7.854.979.997	4.497.109.514
- Công ty TNHH Đầu tư Bốn Mùa	2.025.134.849	520.824.540
- Các khoản phải thu khách hàng khác	5.829.845.148	3.976.284.974
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	448.815.500	130.912.134
TỔNG CỘNG	8.303.795.497	4.628.021.648

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Trả trước cho người bán	5.012.002.215	1.056.488.995
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	20.244.488.088	28.081.384.016
TỔNG CỘNG	25.256.490.303	29.137.873.011

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Phải thu về cho vay các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	20.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	20.000.000.000	-

Chi tiết các khoản cho vay như sau:

<i>Số hợp đồng vay</i>	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất/năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
	<i>VND</i>			
24082017/HĐVV- VINACS	7.000.000.000	Lãi và gốc trả khi đáo hạn vào ngày 24 tháng 8 năm 2018	7,5%	Không có tài sản đảm bảo
07092017/HĐVV- VINACS	13.000.000.000	Lãi và gốc trả khi đáo hạn vào ngày 7 tháng 9 năm 2018	7,5%	Không có tài sản đảm bảo
TỔNG CỘNG	20.000.000.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư (*)	-	-	78.641.713.251	-
Tạm ứng cho nhân viên	9.779.278.088	-	7.566.286.871	-
Phải thu khác	6.895.637.411	-	4.692.787.485	-
TỔNG CỘNG	16.674.915.529	-	90.900.787.607	-
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	<i>554.455.864</i>	<i>-</i>	<i>84.353.952.418</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>16.120.459.665</i>	<i>-</i>	<i>6.546.835.189</i>	<i>-</i>
Dài hạn				
Góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư (**)	150.220.439.740	-	75.220.439.740	-
Phải thu khác	4.863.069.775	-	155.700.000	-
TỔNG CỘNG	155.083.509.515	-	75.376.139.740	-
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	<i>151.417.872.845</i>	<i>-</i>	<i>75.220.439.740</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>3.665.636.670</i>	<i>-</i>	<i>155.700.000</i>	<i>-</i>

Đây là các khoản góp vốn hợp tác đầu tư của Tập đoàn với Công ty Taseco Thăng Long, công ty mẹ của Công ty, vào các dự án:

- (*) Dự án 1,1 ha tại Đà Nẵng: theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 42/2016/HTKD/TASECO – OCV ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty Taseco Oceanview Đà Nẵng và Công ty Taseco Thăng Long cùng hợp tác kinh doanh tại lô đất A1.1 thuộc Lô A1.1 Khu Công viên Bắc Tượng Đài, Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng do Công ty Taseco Thăng Long làm chủ đầu tư. Trong kỳ, lô đất A1.1 đã được chuyển nhượng và các bên tạm xác định lợi nhuận từ việc hợp tác này. Theo đó, Công ty đã được hoàn khoản hợp tác đầu tư và ghi nhận thu nhập từ việc hợp tác này với số tiền là 15,9 tỷ VND (Thuyết minh số 22.2); và
- (**) Dự án Hạ Long – Quảng Ninh: theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 70/2016/HTDT/TASECO – TASECO.NB ngày 26 tháng 12 năm 2016 và Phụ lục hợp đồng số 142/HTDT/TASECO – TASECO.NB ngày 30 tháng 9 năm 2017, Công ty và Công ty Taseco Thăng Long cùng hợp tác đầu tư tại lô đất H33 và H30 thuộc Khu Hỗn Hợp Bán đảo 2 – Khu Đô thị Dịch vụ Hùng Thắng, Phường Hùng Thắng, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh do Công ty Taseco Thăng Long làm chủ đầu tư. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, Công ty đã góp vốn với số tiền là 150,22 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	37.893.137.784	-	18.844.652.510	-
Nguyên liệu	-	-	1.643.653.048	-
Hàng đang đi trên đường	-	-	249.573.203	-
Công cụ, dụng cụ	201.068.497	-	191.204.420	-
TỔNG CỘNG	38.094.206.281	-	20.929.083.181	-

Hàng tồn kho của Công ty Taseco Đà Nẵng đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng như được trình bày tại Thuyết minh số 19.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 9	Ngày 31 tháng
	năm 2017	12 năm 2016
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	1.339.493.455	527.921.967
Chi phí sửa chữa	896.551.382	520.786.361
Chi phí thuê mặt bằng	505.921.173	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.652.369.651	1.119.238.173
TỔNG CỘNG	5.394.335.661	2.167.946.501
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	4.942.319.301	3.645.885.860
Chi phí sửa chữa	165.276.823	1.189.952.508
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.874.599.232	529.185.804
TỔNG CỘNG	7.982.195.356	5.365.024.172

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	64.386.472.034	16.411.846.597	879.449.221	21.759.383.705	103.437.151.557
Mua trong kỳ	-	4.500.221.138	140.138.000	23.013.038.186	27.653.397.324
Xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành	16.523.230.772	-	-	751.601.271	17.274.832.043
Tặng dc mua công ty con	-	-	-	493.827.568	493.827.568
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(614.898.151)	(614.898.151)
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2017	80.909.702.806	20.912.067.735	1.019.587.221	45.402.952.579	148.244.310.341
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	5.962.224.857	4.513.391.178	216.157.570	3.960.180.277	14.651.953.882
Khấu hao trong kỳ	4.206.279.265	2.618.239.955	93.368.429	4.343.654.537	11.261.542.186
Tặng dc mua công ty con	-	-	-	139.917.803	139.917.803
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(614.898.151)	(614.898.151)
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2017	10.168.504.122	7.131.631.133	309.525.999	7.828.854.466	25.438.515.720
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	58.424.247.177	11.898.455.419	663.291.651	17.799.203.428	88.785.197.675
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2017	70.741.198.684	13.780.436.602	710.061.222	37.574.098.113	122.805.794.621

Trong đó:

Tài sản sử dụng để thế chấp (*)

48.688.895.287 6.433.382.454 - 22.322.596.918 77.444.874.659

(*) Một số tài sản đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng như được trình bày trong Thuyết minh số 19.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	7.866.329.588	672.895.000	67.592.000	8.606.816.588
Mua mới	-	200.000.000	-	200.000.000
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2017	7.866.329.588	872.895.000	67.592.000	8.806.816.588
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	-	180.474.079	16.898.004	197.372.083
Hao mòn trong kỳ	-	99.893.017	12.673.503	112.566.520
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2017	-	280.367.096	29.571.507	309.938.603
Giá trị còn lại:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	7.866.329.588	492.420.921	50.693.996	8.409.444.505
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2017	7.866.329.588	592.527.904	38.020.493	8.496.877.985
<i>Trong đó:</i>				
Tài sản sử dụng để thế chấp (*)	7.866.329.588	-	-	7.866.329.588

(*) Quyền sử dụng đất đã được thế chấp cho các khoản vay ngân hàng như được trình bày trong Thuyết minh số 19.

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	Tỷ lệ sở hữu	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn Hàng không Việt Nam ("Công ty VinaCS")	40%	-

Trong kỳ, Công đã nhận chuyển nhượng 6.000.000 cổ phần của Công ty VinaCS với giá chuyển nhượng là 60 tỷ VND từ Công ty Taseco Thăng Long, công ty mẹ của Công ty, theo Nghị quyết số 06B/2017/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 6 năm 2017 và Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 1 tháng 7 năm 2017 giữa Công ty và Taseco Thăng Long. Theo đó, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty trong Công ty VinaCS là 40% và Công ty VinaCS trở thành công ty liên kết của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này như sau:

Đơn vị tính: VND

Công ty VinaCS

Giá trị đầu tư:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	-
- Tăng giá trị đầu tư (*)	49.128.334.282
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2017	<u>49.128.334.282</u>

Lợi thế thương mại:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	-
- Lợi thế thương mại từ mua công ty liên kết	10.871.665.718
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2017	<u>10.871.665.718</u>

Phần lỗ lũy kế sau khi mua công ty liên kết:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	-
- Phần lỗ từ công ty liên kết kể từ ngày mua	(4.780.712.345)
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2017	<u>(4.780.712.345)</u>

Giá trị còn lại

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	-
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2017	<u>55.219.287.655</u>

(*) Tại ngày nhận chuyển nhượng khoản đầu tư vào công ty liên kết, Công ty đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được của công ty liên kết và theo đó Công ty đã kế toán khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá trị tạm thời tương đương với giá trị ghi sổ của công ty liên kết tại ngày nhận chuyển nhượng.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	<u>Ngày 30 tháng 9 năm 2017</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</u>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại và Dịch vụ Châu Thông	4.123.174.536	4.123.174.536	2.297.502.703	2.297.502.703
Phải trả cho người bán khác	35.726.032.029	35.726.032.029	19.273.626.599	19.273.626.599
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	<u>374.003.953</u>	<u>374.003.953</u>	-	-
TỔNG CỘNG	<u>40.223.210.518</u>	<u>40.223.210.518</u>	<u>21.571.129.302</u>	<u>21.571.129.302</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>
Thuế giá trị gia tăng	1.734.090.405	14.869.312.181	(15.292.742.620)	1.310.659.966
Thuế tiêu thụ đặc biệt	123.063.407	1.162.024.340	(1.159.411.947)	125.675.800
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.379.443.527	24.675.422.844	(20.573.852.802)	10.481.013.569
Thuế thu nhập cá nhân	353.922.142	1.399.762.233	(1.352.171.957)	401.512.418
Các loại thuế khác	6.847.697	128.109.068	(131.942.317)	3.014.448
TỔNG CỘNG	<u>8.597.367.178</u>	<u>42.234.630.666</u>	<u>(38.510.121.643)</u>	<u>12.321.876.201</u>

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Chi phí tháng lương thứ 13	1.982.785.614	-
Chi phí sửa chữa	-	381.855.000
Chi phí ăn ca	385.251.000	322.222.500
Chi phí phải trả khác	1.853.322.910	1.068.818.393
TỔNG CỘNG	<u>4.221.359.524</u>	<u>1.772.895.893</u>

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Doanh thu dịch vụ quảng cáo	7.105.170.292	3.754.659.287
TỔNG CỘNG	<u>7.105.170.292</u>	<u>3.754.659.287</u>

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Phải trả đối tác theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	947.182.533	2.237.502.825
Phải trả bảo hiểm	384.994.540	931.529.785
Nhận đặt cọc ngắn hạn	313.000.000	204.000.000
Phải trả nhân viên	-	171.656.887
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 29)	1.956.487.708	39.191.289.901
Các khoản phải trả khác	2.836.296.600	932.747.992
TỔNG CỘNG	<u>6.437.961.381</u>	<u>43.668.727.390</u>

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY

Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Số phát sinh trong kỳ			Ngày 30 tháng 9 năm 2017		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
Vay ngắn hạn								
Vay ngân hàng	26.915.786.753	26.915.786.753	107.015.021.680	(120.167.063.768)	13.763.744.665	13.763.744.665		
Vay dài hạn đến hạn trả	6.072.400.000	6.072.400.000	10.308.200.000	(6.046.600.000)	10.334.000.000	10.334.000.000		
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 29)	-	-	9.000.000.000	(9.000.000.000)	-	-		
TỔNG CỘNG	32.988.186.753	32.988.186.753	126.323.221.680	(135.213.663.768)	24.097.744.665	24.097.744.665		
Vay dài hạn								
Vay ngân hàng	34.454.200.000	34.454.200.000	13.992.400.000	(11.268.200.000)	37.178.400.000	37.178.400.000		
TỔNG CỘNG	34.454.200.000	34.454.200.000	13.992.400.000	(11.268.200.000)	37.178.400.000	37.178.400.000		

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘC (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.1 Các khoản vay ngắn hạn ngắn hạn

Ngân hàng	Hợp đồng	Ngày 30 tháng 9 năm 2017 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	01/2017-HDTHM/NHCT430-TASECO	13.763.744.665	Gốc và lãi thanh toán vào ngày 25 hàng tháng. Thanh toán lần cuối vào ngày 3 tháng 7 năm 2018	Lãi suất cho vay xác định theo từng khoản nợ và điều chỉnh lãi vào ngày 25 hàng tháng	+ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/2015-HĐTC/NHCT480-TASECO ký giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Công ty Taseco Thăng Long. + Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 02/2015-HĐTC/NHCT480-TASECO ký giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và ông Đoàn Trung Hiếu. + Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 03/2015/HĐTC/NHCT480-TASECO ký giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Taseco Đà Nẵng. + Hợp đồng thế chấp quyền đổi nợ luân chuyển số 04/2015-HĐTC/NHCT480-TASECO giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Công ty Taseco Đà Nẵng.

TỔNG CỘNG

13.763.744.665

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Ngân hàng	Hợp đồng số	Ngày 30 tháng 9 năm 2017 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long	26/2016-HBTDDA/NHCT 145-TASECO	2.032.800.000	Lãi và gốc được trả vào ngày 25 hàng tháng. Ngày trả lãi và gốc cuối cùng là 31 tháng 5 năm 2021	Lãi suất trong kỳ là 10%	Xe ô tô hình thành từ vốn vay với tổng giá trị còn lại là 2,4 tỷ VND bao gồm: + Xe ô tô Toyota Fortuner biến kiểm soát 30E-165.92 với giá trị còn lại 794.468.896 VND + Xe ô tô Toyota Fortuner biến kiểm soát 30E-166.70 với giá trị còn lại 794.468.896 VND + Xe ô tô Toyota Camry biến kiểm soát 30E-165.50 với giá trị còn lại 882.886.672 VND
<i>Trong đó: Đến hạn trả</i>		554.400.000			
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long	76/2016-HBTDDA/NHCT 145-TASECO	1.789.500.000	Lãi và gốc được trả vào ngày 25 hàng tháng. Ngày trả lãi và gốc cuối cùng là 16 tháng 12 năm 2019	Lãi suất trong kỳ là 8,4%	Xe ô tô hình thành từ vốn vay với tổng giá trị còn lại là 2,6 tỷ VND bao gồm: + Xe ô tô Toyota Fortuner biến kiểm soát 30E-583.19 với giá trị còn lại 886.811.365 VND + Xe ô tô Toyota Fortuner biến kiểm soát 30E-584.83 với giá trị còn lại 886.811.365 VND + Xe ô tô Toyota Fortuner biến kiểm soát 30E-584.59 với giá trị còn lại 886.811.365 VND
<i>Trong đó: Đến hạn trả</i>		798.000.000			
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long	14/2017-HBTDDA/NHCT 145-TASECO	3.544.000.000	Lãi và gốc được trả vào ngày 25 hàng tháng. Ngày trả lãi và gốc cuối cùng là 10 tháng 3 năm 2020	Lãi suất trong kỳ là 8,7%	Xe ô tô hình thành từ vốn vay với tổng giá trị còn lại là 5 tỷ VND bao gồm: + Xe ô tô Toyota Camry 2.0E biến kiểm soát 30E - 720.45 với giá trị còn lại 1.013.925.734 VND + Xe ô tô Toyota Camry 2.0E biến kiểm soát 30E - 718.86 với giá trị còn lại 1.013.925.734 VND + Xe ô tô Toyota Camry 2.0E biến kiểm soát 30E - 721.14 với giá trị còn lại 1.013.925.734 VND + Xe ô tô Toyota Camry 2.0E biến kiểm soát 30E - 721.97 với giá trị còn lại 1.013.925.734 VND + Xe ô tô Toyota Camry 2.0E biến kiểm soát 30E - 721.39 với giá trị còn lại 1.013.925.734 VND
<i>Trong đó: Đến hạn trả</i>		1.416.000.000			

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn (tiếp theo)

<i>Ngân hàng</i>	<i>Hợp đồng số</i>	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017 (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long	36/2017-HĐTDDA/N HCT145-TASECO	1.685.400.000	Lãi và gốc được trả vào ngày 25 hàng tháng. Ngày trả lãi và gốc cuối cùng là 20 tháng 6 năm 2020	Lãi suất trong kỳ là 3,8%	Xe ô tô hình thành từ vốn vay với tổng giá trị còn lại là 2,3 tỷ VND bao gồm: + Xe ô tô Toyota Fortuner biến kiểm soát 30E - 747.66 với giá trị còn lại 1.143.417.538 VND + Xe ô tô Toyota Fortuner biể: kiểm soát 30E - 747.91 với giá trị còn lại 1.143.417.538 VND
<i>Trong đó: Đến hạn trả</i>		612.000.000			
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long	38/2017-HĐTDDA/N HCT145-TASECO	2.361.500.000	Lãi và gốc được trả vào ngày 25 hàng tháng. Ngày trả lãi và gốc cuối cùng là 26 tháng 6 năm 2020	Lãi suất trong kỳ là 3,8%	Xe ô tô hình thành từ vốn vay với giá trị còn lại là 2,9 tỷ VND bao gồm: + Xe ô tô Ford Transit biến kiểm soát 29B-402.37 với giá trị còn lại 717.129.817 VND + Xe ô tô Ford Transit biến kiểm soát 29B-403.55 với giá trị còn lại 717.129.817 VND + Xe ô tô Ford Transit biến kiểm soát 29B-402.31 với giá trị còn lại 717.129.817 VND + Xe ô tô Ford Transit biến kiểm soát 29B-403.54 với giá trị còn lại 717.129.817 VND
<i>Trong đó: Đến hạn trả</i>		858.000.000			

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn (tiếp theo)

Ngân hàng	Hợp đồng số	Ngày 30 tháng 9 năm 2017 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long	48/2C17-HĐCVĐA/NH CT145-TASECO	2.604.400.000	Lãi và gốc được trả vào ngày 25 hàng tháng. Ngày trả lãi và gốc cuối cùng là 26 tháng 7 năm 2020	Lãi suất trong kỳ là 8,8%	Xe ô tô hình thành từ vốn vay với tổng giá trị còn lại là 3,5 tỷ VND bao gồm: + Xe ô tô Toyota Fortuner biển kiểm soát 30E-505.52 với giá trị còn lại 1.166.331.142 VND + Xe ô tô Toyota Fortuner biển kiểm soát 30E-505.66 với giá trị còn lại 1.166.331.142 VND + Xe ô tô Toyota Fortuner biển kiểm soát 30E-505.81 với giá trị còn lại 1.166.331.142 VND
<i>Trong đó: Đến hạn trả</i>					
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long	36/2C17-HĐTĐDA/NH CT145-TASECO	1.733.200.000	Lãi và gốc được trả vào ngày 25 hàng tháng. Ngày trả lãi và gốc cuối cùng là 26 tháng 7 năm 2020	Lãi suất trong kỳ là 8,8%	Xe ô tô hình thành từ vốn vay với tổng giá trị còn lại là 2,3 tỷ VND bao gồm: + Xe ô tô Toyota Fortuner biển kiểm soát 30E-505.22 với giá trị còn lại 1.166.331.142 VND + Xe ô tô Toyota Fortuner biển kiểm soát 30E-504.99 với giá trị còn lại 1.166.331.142 VND
<i>Trong đó: Đến hạn trả</i>					
		919.200.000			
		631.200.000			

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn (tiếp theo)

<i>Ngân hàng</i>	<i>Hợp đồng số</i>	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017 (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	260/2C15/MCB – KHDN	31.080.000.000	108 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Lãi suất năm 2017 là: 9,3%/năm.	Quyền vốn góp của Công ty vào Công ty Taseco Oceanview Đà Nẵng và tài sản hình thành từ vốn vay công trình xây dựng gồm tầng hầm, tầng 1, 2, 22, 23 của Khách Sạn Oceanview Đà Nẵng
<i>Trong đó: Đến hạn trả</i>		4.400.000.000			
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng	0195/KHB_17 TH	681.600.000	Trả gốc và lãi vay trả dần vào ngày 26 hàng tháng	Lãi suất trong kỳ là 7,7%	Xe ô tô biển kiểm soát 51F-473.48 với giá trị còn lại 1.133.699.523 VND
<i>Trong đó: Đến hạn trả</i>		145.200.000			
TỔNG CỘNG		47.512.400.000			
<i>Trong đó:</i>					
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>		10.334.000.000			
<i>Vay dài hạn</i>		37.178.400.000			

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Lợi ích thuộc về các cổ đông của Công ty mẹ		Đơn vị tính: VND	
	Vốn cổ phần đã phát hành	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	27.126.277.100	99.944.279	-	27.226.221.379
- Tăng vốn	22.853.722.900	-	-	22.853.722.900
- Lợi nhuận trong kỳ	-	25.545.025.468	18.175.292	25.563.200.760
- Tăng lợi ích của cổ đông không kiểm soát	-	-	25.836.394	25.836.394
- Chia lợi nhuận (***)	-	(833.831.909)	-	(833.831.909)
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2016	49.980.000.000	24.811.137.838	44.011.686	74.835.149.524
Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	160.480.000.000	41.438.712.534	(176.164.539)	201.742.547.995
- Tăng vốn (*)	199.520.000.000	-	4.500.000.000	204.020.000.000
- Lợi nhuận trong kỳ	-	109.971.914.389	290.235.852	110.262.150.241
- Tăng do mua công ty con	-	-	444.872	444.872
- Tăng/(giảm) do thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	5.573.415	(1.005.573.415)	(1.000.000.000)
- Cổ tức công bố (**)	-	(80.240.000.000)	(34.560.000)	(80.274.560.000)
- Chia lợi nhuận (***)	-	(1.925.215.020)	-	(1.925.215.020)
- Giảm khác	-	(1.259.727.044)	(5.836.393)	(1.265.563.437)
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2017	360.000.000.000	67.991.258.274	3.568.546.377	431.559.804.651

(*) Theo Biên bản số 04/2017/ĐHĐCĐ-BB và Nghị quyết số 04/2017/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 2 tháng 6 năm 2017, các cổ đông của Công ty đã thông qua kế hoạch phát hành thêm 20.060.000 cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ 160,48 tỷ VND lên 361,08 tỷ VND. Theo Biên bản họp số 07/2017/BB-HĐQT và Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐQT ngày 7 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị đã thông qua việc không chào bán số cổ phần mà cổ đông hiện hữu được phân phối nhưng không thực hiện quyền mua (108.000 cổ phần) và kết thúc đợt chào bán với số lượng cổ phần đã chào bán thành công là 19.952.000 cổ phần.

(**) Theo Nghị quyết số 02.2017/ĐHĐCĐ-NQ ngày 11 tháng 4 năm 2017 và Biên bản họp số 02/2017/ĐHĐCĐ-BB ngày 11 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty phê duyệt việc chia cổ tức bằng tiền cho năm 2016 và theo nghị quyết Hội đồng Quản trị số 06/2017/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 4 năm 2017 phê duyệt tạm ứng cổ tức bằng tiền Quý I năm 2017 với tổng số tiền là 80,24 tỷ VND. Số cổ tức đã được thanh toán cho các cổ đông hiện hữu trong kỳ là 80,225 tỷ VND.

(***) Đây là khoản lợi nhuận chia cho cá nhân theo hợp đồng hợp tác kinh doanh như trình bày tại Thuyết minh số 18.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2017			Ngày 31 tháng 12 năm 2016		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Công ty Taseco Thăng Long	216.000.000.000	216.000.000.000	-	160.450.000.000	160.450.000.000	-
Các cổ đông khác	144.000.000.000	144.000.000.000	-	30.000.000	30.000.000	-
Tổng cộng	360.000.000.000	360.000.000.000	-	160.480.000.000	160.480.000.000	-

20.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu	360.000.000.000	49.980.000.000
Số đầu kỳ	160.480.000.000	27.126.277.100
Vốn góp trong kỳ	199.520.000.000	22.853.722.900
Trong đó:		
Bằng tiền	199.520.000.000	2.776.098.900
Bằng chi phí	-	97.624.000
Bằng các khoản đầu tư vào công ty con	-	19.980.000.000
Số cuối kỳ	360.000.000.000	49.980.000.000
Cổ tức đã chia	(80.259.560.000)	-

20.4 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 9 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Cổ phiếu đăng ký phát hành	36.000.000	360.000.000.000	16.048.000	160.480.000.000
Cổ phiếu đã phát hành	36.000.000	360.000.000.000	16.048.000	160.480.000.000
Cổ phiếu phổ thông	36.000.000	360.000.000.000	16.048.000	160.480.000.000
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	36.000.000	360.000.000.000	16.048.000	160.480.000.000
Cổ phiếu phổ thông	36.000.000	360.000.000.000	16.048.000	160.480.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (31 tháng 12 năm 2016: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

21. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Đơn vị tính: VND

	<i>Taseco Đà Nẵng</i>	<i>Taseco Media</i>	<i>Taseco Sài Gòn</i>	<i>Tổng cộng</i>
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2017				
Vốn đã góp	20.000.000	15.000.000	3.500.000.000	3.535.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	63.162.197	(14.562.771)	19.506.951	68.106.377
Cổ tức đã chia lũy kế	(34.560.000)	-	-	(34.560.000)
	48.602.197	437.229	3.519.506.951	3.568.546.377
Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017				
Phần lợi nhuận/(lỗ) sau khi mua cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017	37.392.230	(7.643)	252.851.265	290.235.852
	37.392.230	(7.643)	252.851.265	290.235.852

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: VND

	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016</i>
Tổng doanh thu	479.998.881.803	201.059.459.271
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	244.387.952.669	134.610.472.859
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	235.610.929.134	66.448.986.412
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	479.998.881.803	201.059.459.271
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần từ bán hàng</i>	244.387.952.669	134.610.472.859
<i>Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ</i>	235.610.929.134	66.448.986.412
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với các bên liên quan</i>	3.533.319.250	5.600.726.276
<i>Doanh thu với các bên khác</i>	476.465.562.553	195.458.732.995

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: VND

	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.657.375.838	2.280.364.544
Lãi chênh lệch tỷ giá	614.099.773	140.977.200
Lợi nhuận được chia (*)	15.883.626.917	-
Khác	2.390.908	-
TỔNG CỘNG	18.157.493.436	2.421.341.744

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU (tiếp theo)

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính (tiếp theo)

(*) Đây là khoản thu nhập ghi nhận từ việc hợp tác đầu tư của Tập đoàn với Công ty Taseco Thăng Long - công ty mẹ của Công ty, vào dự án 1,1 ha tại Đà Nẵng theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 42/2016/HTKD/TASECO – OCV ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Thuyết minh số 8).

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016
Giá vốn của hàng hóa đã bán	102.677.061.664	60.314.333.063
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	119.501.157.871	31.060.335.031
TỔNG CỘNG	222.178.219.535	91.374.668.094

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016
Chi phí lãi vay	4.868.728.039	1.107.950.578
Lỗ chênh lệch tỷ giá	186.618.017	541.130
TỔNG CỘNG	5.055.346.056	1.108.491.708

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân công	37.515.372.503	26.176.259.787
Chi phí thuê kho, mặt bằng	24.625.766.534	11.476.707.770
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.096.654.590	7.874.193.969
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.716.649.565	4.401.040.760
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.921.299.497	1.609.509.995
Chi phí khác	2.874.917.961	827.259.236
TỔNG CỘNG	88.750.660.650	52.364.971.517
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân công	25.018.207.762	11.888.220.370
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.022.516.888	4.370.325.035
Chi phí thuê kho, mặt bằng	1.885.485.448	1.106.216.061
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.691.720.745	603.858.987
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.130.245.924	382.056.541
Chi phí tư vấn và phí bản quyền	375.000.000	7.504.545.455
Chi phí khác	3.038.256.978	809.707.271
TỔNG CỘNG	44.161.433.745	26.664.929.720

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016</i>
Thu nhập khác	1.796.741.651	342.796.905
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	1.227.272.726	10.361.093
Thu nhập từ khuyến mại sim chủ	198.699.149	101.746.172
Khác	370.769.776	230.689.640
Chi phí khác	89.171.474	223.000.625
Lỗ từ thanh lý công cụ dụng cụ	-	119.356.392
Tiền nộp phạt	34.024.554	-
Chi phí khác	55.146.920	103.644.233
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	1.707.570.177	119.796.280

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	140.942.759.256	81.016.561.754
Chi phí nhân công	89.932.961.261	44.033.889.159
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.374.108.706	4.240.487.348
Chi phí dịch vụ mua ngoài	92.534.321.005	27.913.681.051
Chi phí thuê mặt bằng cho dịch vụ quảng cáo, bán hàng	16.767.019.944	12.415.703.520
Chi phí khác	3.539.143.758	784.246.499
TỔNG CỘNG	355.090.313.930	170.404.569.331

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

28.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.675.422.844	6.524.335.496
TỔNG CỘNG	24.675.422.844	6.524.335.496

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	134.937.573.085	32.087.536.256
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty và các công ty con	26.987.514.617	6.417.507.252
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Chi phí không được trừ thuế khác	9.722.651	106.828.244
Khoản lỗ từ công ty liên kết	956.142.469	
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(3.176.725.383)	-
Thuế hoãn lại chưa ghi nhận cho lỗ năm trước mang sang	(101.231.510)	-
Chi phí thuế TNDN	<u>24.675.422.844</u>	<u>6.524.335.496</u>

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

28.3 Lỗ chuyển sang từ năm trước

Tập đoàn được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Tập đoàn có khoản lỗ lũy kế với giá trị là 506.157.552 VND đã sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong kỳ. Chi tiết như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Năm phát sinh</i>	<i>Có thể chuyển lỗ đến năm</i>	<i>Lỗ tính thuế</i>	<i>Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Không được chuyển lỗ</i>	<i>Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>
2016 (*)	2021	506.157.552	(506.157.552)	-	-
TỔNG CỘNG		<u>506.157.552</u>	<u>(506.157.552)</u>	-	-

(*) Lỗ tính thuế ước tính của Công ty Taseco Sài Gòn chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các khoản đảm bảo, bảo lãnh của các bên liên quan như trình bày trong Thuyết minh số 19, những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017 và 30 tháng 9 năm 2016 bao gồm:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016</i>
Taseco Thăng Long	Công ty mẹ	Cho vay	139.500.000.000	28.400.000.000
		Thu hồi cho vay	139.500.000.000	8.188.507.014
		Góp vốn	199.490.000.000	22.823.722.900
		Trả tiền góp vốn và lãi	94.525.340.168	-
		Cổ tức công bố	80.225.000.000	-
		Cổ tức đã trả	80.225.000.000	-
		Góp vốn hợp tác đầu tư	75.000.000.000	-
		Phí nhận chuyển nhượng cổ phần VinaCS	60.000.000.000	-
		Thanh toán lợi nhuận, các quỹ chưa phân phối của Taseco Đà Nẵng và Taseco Oceanview Đà Nẵng	39.191.289.901	-
		Thuê căn hộ	29.402.010.000	-
		Đi vay	9.000.000.000	-
		Trả tiền gốc vay	9.000.000.000	-
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.434.839.996	4.891.726.802
		Phí tư vấn và nhượng quyền kinh doanh	-	7.500.000.000
		Phải trả liên quan đến giao dịch góp vốn bằng khoản đầu tư vào Taseco Đà Nẵng và Taseco Oceanview Đà Nẵng	-	39.191.289.901
Doanh thu thuê vị trí quảng cáo	-	3.329.866.522		
VinaCS	Công ty liên kết	Cho vay	20.000.000.000	-
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	137.065.242	-
Ông Nguyễn Minh Hải	Cổ đồng	Góp vốn vào Taseco Sài Gòn	3.000.000.000	-
		Chuyển nhượng cổ phần	1.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các khoản đảm bảo, bảo lãnh của các bên liên quan như trình bày trong Thuyết minh số 19, những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017 và 30 tháng 9 năm 2016 bao gồm: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
			<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco	Công ty trong cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	97.195.456	223.285.003
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Khai Thác Nhà Ga Quốc Tế Đà Nẵng	Công ty trong cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Chi phí thuê vị trí quảng cáo Đặt cọc thuê vị trí quảng cáo	39.307.273 1.912.451.197 1.087.960.000	- - -
Công ty Quản lý Bất động sản Quốc tế	Công ty trong cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	178.242.193	-
Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Số 4	Công ty trong cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.933.636	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Phú Mỹ	Công ty trong cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.470.910	-
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Taseco	Công ty trong cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	217.779.998	-
Công ty TNHH Hàng Miễn Thuế Jalux Taseco	Công ty trong cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	404.484.546	476.794.016
Bà Trần Thị Loan	Cổ đông	Góp vốn vào Taseco Sài Gòn	1.500.000.000	-
Taseco Media	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	8.920.455

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán hợp nhất giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)				
Công ty TNHH Hàng miễn thuế Jalux Taseco	Công ty trong cùng Tập đoàn Taseco Thăng Long	Cung cấp hàng hóa, dịch vụ	7.873.000	4.245.000
Công ty Taseco Media	Công ty con	Doanh thu bán hàng	-	107.607.134
Công ty VinaCS	Công ty liên kết	Cung cấp hàng hóa, dịch vụ	7.050.000	-
Công ty Taseco Thăng Long	Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	433.892.500	19.060.000
			448.815.500	130.912.134
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)				
Công ty Taseco Thăng Long	Công ty mẹ	Trả trước tiền thuê căn hộ	20.179.374.016	28.081.384.016
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Nhà Ga Quốc tế Đà Nẵng	Công ty cùng tập đoàn Taseco Thăng Long	Trả trước tiền thuê mặt bằng	65.114.072	-
			20.244.488.088	28.081.384.016
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7)				
Công ty VinaCS	Công ty liên kết	Cho vay	20.000.000.000	-
			20.000.000.000	-
Phải thu khác (Thuyết minh số 8)				
Ngắn hạn				
Công ty Taseco Thăng Long	Công ty mẹ	Đặt cọc tiền tham gia dự thầu mặt bằng cảng Phú Quốc	466.495.864	-
		Góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư	-	78.641.713.251
		Chi hộ trả hộ	-	220.063.636
Các cá nhân liên quan khác	Cá nhân liên quan	Tạm ứng	-	5.492.175.531
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Nhà Ga Quốc tế Đà Nẵng	Công ty cùng Tập đoàn Taseco Thăng Long	Đặt cọc	87.960.000	-
			554.455.864	84.353.952.418

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán hợp nhất giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Phải thu khác (Thuyết minh số 8) (tiếp theo)				
Dài hạn				
Công ty Taseco Thăng Long	Công ty mẹ	Góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư	150.220.439.740	75.220.439.740
		Đặt cọc tiền tham gia dự thầu mặt bằng cảng Phú Quốc	197.433.105	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng	Công ty cùng Tập đoàn Taseco Thăng Long	Đặt cọc thực hiện dịch vụ	1.000.000.000	-
			151.417.872.845	75.220.439.740
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14)				
Công ty VinaCS	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	140.800.000	-
Công ty Taseco Thăng Long	Công ty mẹ	Chi phí thuê quầy và nhượng quyền	233.203.953	-
			374.003.953	-
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 18)				
Công ty Taseco Thăng Long	Công ty mẹ	Phải trả khác	823.800.000	-
		Phải trả về nhận vốn góp Công ty Taseco Đà Nẵng	-	5.830.557.011
		Phải trả về nhận vốn góp Công ty Taseco Oceanview Đà Nẵng	-	33.360.732.890
		Chuyển nhượng cổ phần Công ty Taseco Media	132.687.708	-
Ông Nguyễn Minh Hải	Tổng Giám đốc công ty mẹ	Chuyển nhượng cổ phần Công ty Taseco Sài Gòn	1.000.000.000	-
			1.956.487.708	39.191.289.901

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016</i>
Lương và thưởng	1.164.730.000	992.560.000
Thu nhập khác	71.580.000	89.370.000
TỔNG CỘNG	<u>1.236.310.000</u>	<u>1.081.930.000</u>

30. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	109.971.914.389	25.545.025.468
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(703.420.282)
Phải trả cho bên hợp tác kinh doanh (**)	(1.925.215.020)	(833.831.909)
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	<u>108.046.699.369</u>	<u>24.007.773.277</u>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	22.490.579	6.321.492
<i>Ảnh hưởng suy giảm</i>	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	<u>22.490.579</u>	<u>6.321.492</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.804	3.798
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.804	3.798

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

30. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016 đã được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận của năm 2016 theo Quyết định của Hội đồng Quản trị năm 2017 của Công ty và các công ty con.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017 chưa được điều chỉnh cho khoản quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa có Nghị quyết Hội đồng Quản trị để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế của kỳ này.

(**) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu được điều chỉnh cho khoản phải trả cho bên hợp tác kinh doanh theo quy định trong hợp đồng hợp tác kinh doanh của Taseco Đà Nẵng với đối tác.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Bộ phận kinh doanh bán hàng và cung cấp các dịch vụ liên quan trong nhà ga và cảng hàng không.

Bộ phận kinh doanh nhà hàng, khách sạn kinh doanh dịch vụ khách sạn và các dịch vụ liên quan khác.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Đơn vị tính: VND

	<i>Rán hàng và cung cấp các dịch vụ liên quan trong nhà ga và cảng hàng không</i>	<i>Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn</i>	<i>Loại trừ</i>	<i>Tổng cộng</i>
Vào ngày và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017				
Doanh thu				
<i>Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài</i>	330.629.328.463	149.369.553.340	-	479.998.881.803
<i>Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận</i>	244.214.570	322.237.050	(566.451.620)	-
Tổng doanh thu	330.873.543.033	149.691.790.390		480.565.333.423
Kết quả				
<i>Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận</i>	137.802.711.544	65.441.013.886	(68.306.152.345)	134.937.573.085
<i>Lợi nhuận thuần trước thuế</i>	137.802.711.544	65.441.013.886	-	203.243.725.430
<i>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	(14.763.945.452)	(9.911.477.392)	-	(24.675.422.844)
<i>Lợi nhuận thuần sau thuế</i>	123.038.766.092	55.529.536.494	(68.306.152.345)	110.262.150.241
Tài sản và công nợ				
<i>Tài sản bộ phận</i>	573.624.758.324	183.243.908.804	(186.336.826.512)	570.531.840.616
Tổng tài sản	573.624.758.324	183.243.908.804		756.868.667.128
<i>Công nợ bộ phận</i>	139.831.220.576	48.772.501.941	(38.760.020.834)	149.843.701.683
Tổng công nợ	139.831.220.576	48.772.501.941		188.603.722.517
Các thông tin bộ phận khác				
Chi phí hình thành tài sản cố định				
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	44.111.972.096	64.656.000	-	44.176.628.096
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	200.000.000	-	-	200.000.000
Khấu hao	7.454.734.333	3.919.374.373		11.374.108.706
Vào ngày và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016				
Doanh thu				
<i>Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài</i>	201.059.459.271	-	-	201.059.459.271
<i>Doanh thu bán hàng cho các bộ phận</i>	20.466.363	-	(20.466.363)	-
Tổng doanh thu	201.079.925.634			201.079.925.634
Kết quả				
<i>Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận</i>	32.087.536.256	-	-	32.087.536.256
<i>Lợi nhuận thuần trước thuế</i>	32.087.536.256	-	-	32.087.536.256
<i>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	(6.524.335.496)	-	-	(6.524.335.496)
<i>Lợi nhuận thuần sau thuế</i>	25.563.200.760	-	-	25.563.200.760
Tài sản và công nợ				
<i>Tài sản bộ phận</i>	164.147.963.636	-	(25.812.357.011)	138.335.606.625
Tổng tài sản	164.147.963.636			164.147.963.636
<i>Công nợ bộ phận</i>	63.502.257.101	-	(1.800.000)	63.500.457.101
Tổng công nợ	63.502.257.101			63.502.257.101
Các thông tin bộ phận khác				
Chi phí hình thành tài sản cố định				
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	5.687.320.480	-	-	5.687.320.480
Khấu hao	4.240.487.348			4.240.487.348

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

32. CÁC CAM KẾT

Thuê hoạt động

Tập đoàn hiện đang thuê tài sản theo các hợp đồng thuê sau:

- ▶ Hợp đồng cho thuê mặt bằng, nhượng quyền kinh doanh và cung cấp dịch vụ tại Nhà ga T2 – Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài với Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam với thời hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2019;
- ▶ Hợp đồng cho thuê mặt bằng, nhượng quyền kinh doanh và cung cấp dịch vụ tại Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng với Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam với thời hạn đến ngày 31 tháng 8 năm 2019;
- ▶ Hợp đồng cho thuê mặt bằng, nhượng quyền kinh doanh và cung cấp dịch vụ tại Cảng Hàng không Quốc tế Phú Bài với Cảng Hàng không Quốc tế Phú Bài – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam với thời hạn đến ngày 19 tháng 9 năm 2018;
- ▶ Hợp đồng cho thuê mặt bằng, nhượng quyền kinh doanh và cung cấp dịch vụ tại Cảng Hàng không Quốc tế Sài Gòn với Cảng Hàng không Quốc tế Sài Gòn – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam với thời hạn đến ngày 11 tháng 1 năm 2020;
- ▶ Hợp đồng cho thuê mặt bằng, nhượng quyền kinh doanh và cung cấp dịch vụ tại Cảng Hàng không Quốc tế Phú Quốc với Cảng Hàng không Quốc tế Phú Quốc – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam với thời hạn đến ngày 10 tháng 4 năm 2019;
- ▶ Hợp đồng thuê các phòng khách sạn thuộc Khách sạn À La Carte Đà Nẵng với Công ty Cổ phần Dịch Vụ Hàng không Thăng Long với thời hạn đến ngày 30 tháng 9 năm 2020; và
- ▶ Một số hợp đồng thuê hoạt động khác.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Đến 1 năm	55.287.999.804	21.211.268.040
Trên 1 – 5 năm	139.598.654.872	27.318.284.251
TỔNG CỘNG	194.886.654.676	48.529.552.291

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 27 tháng 11 năm 2017, VinaCS đã phát hành thêm 7.500.000 cổ phiếu cho cổ đông mới để tăng vốn từ 150 tỷ VND lên 225 tỷ VND. Việc tăng vốn đã được phê duyệt theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107038831 điều chỉnh lần thứ 6 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 11 năm 2017. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại VinaCS giảm từ 40% xuống 26,67%.

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.


Trần Văn Hưng
Người lập


Phạm Quang Viên
Phó Phòng kế toán



Lê Anh Quốc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 11 năm 2017